TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2019/DS-PT
Ngày 07 - 3 - 2019
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lệ Kiều

Các Thẩm phán: Ông Trương Thanh Dũng

Bà Cao Thị Túy Giang

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quốc Trung - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Út Mười - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 20/2019/TLPT-DS ngày 07 tháng 01 năm 2019 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 64/2018/DS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2019/QĐ-PT ngày 15 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lưu Minh K, sinh năm 1953; địa chỉ cư trú: Ấp B, xã PT, huyện PL, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lưu Minh K: Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1983; địa chỉ cư trú: Ấp B, xã PT, huyện PL, tỉnh Bạc Liêu (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 25 tháng 02 năm 2019 - có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Trung T, sinh năm 1969; địa chỉ cư trú: Ấp B, xã PT, huyện PL, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. NLQ1, sinh năm 1953; địa chỉ cư trú: Ấp B, xã PT, huyện PL, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của NLQ1: Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1983; địa chỉ cư trú: Ấp B, xã PT, huyện PL, tỉnh Bạc Liêu được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 25 tháng 02 năm 2019 - có mặt).

2. NLQ2, sinh năm 1973

3. NLQ3, sinh năm 1992

4. NLQ4, sinh năm 1996

5. NLQ5, sinh năm 1988

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp B, xã PT, huyện PL, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ2, NLQ3, NLQ4, NLQ5: Ông Nguyễn Trung T, sinh năm 1969; địa chỉ cư trú: Ấp B, xã PT, huyện PL, tỉnh Bạc Liêu (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 08 tháng 3 năm 2018 - có mặt).

6. NLQ6. Địa chỉ trụ sở: Ấp HC, thị trấn PL, huyện PL, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo pháp luật của NLQ6: Ông Phạm Thanh H – Chức vụ: Chủ tịch (có đơn xin vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Lưu Minh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Lưu Minh K và NLQ1 cùng người đại diện theo ủy quyền của ông K, NLQ1 là chị Nguyễn Thị V trình bày: Giữa phần đất của ông Lưu Minh K và ông Nguyễn Trung T có 01 con mương trước đây do ông Lê Văn T đào từ năm 1962, chiều ngang lúc đào là 04m, chiều dài dọc phần đất. Việc đào mương nhằm mục đích để chuyển lúa về, sau này ông T mới cho lại ông Lê Văn Q và ông Q cho lại NLQ1. Đến năm 1990 NLQ1 cho ông T nhờ sử dụng đường mương này để dẫn nước vào vuông nuôi tôm, từ đó ranh đất được xác định ngay mé mương. Năm 2008 ông T xây hàng rào bao lại đường mương này để tấn rác thải, sự việc trên được NLQ1 đồng ý. Năm 2005 ông K đăng ký kê khai phần đất của gia đình, chiều ngang 13,14m, chiều dài 39m tại thửa 721 tờ bản đồ số 18 và được NLQ6 cấp giấy chứng nhận, khi đó có đo đạc thực tế tới mí mương. Nhưng phần đất của ông K hiện sử dụng bị thiếu chiều ngang 0,08m, chiều dài 39m, diện tích 3,12m^2. Nay ông K yêu cầu ông T trả lại phần đất bị thiếu nêu trên.

Bị đơn ông Nguyễn Trung T đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của NLQ2, NLQ3, NLQ4, NLQ5 trình bày: Phần đất của ông và ông K giáp với nhau là con mương, có hàng rào làm ranh đất giữa hai bên. Trước năm 1960 cha ông là ông Nguyễn Văn T đào mương để dẫn nước vào ruộng, con mương có chiều ngang khoảng 02m. Đến năm 1993 thì ông đã cặm trụ đá trên bờ mương, ông cặm dọc bờ mương và rào lại bằng lưới B40. Gia đình ông K không có ý kiến phản đối gì. Đến năm 2009 ông xây dựng kiên cố hàng rào như hiện nay, bên ông K không phản đối. Phần đất của gia đình ông được cha ông đăng ký quyền sử dụng đất từ năm 1993, chuyển quyền sử dụng đất cho ông vào năm 1996, đến năm 2007- 2008 thì ông xin cấp lại bằng khoán mới đến nay. Khi đó ông K và ông đều ra chứng kiến việc đo để xác định ranh. Diện tích đất ông sử dụng đúng với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông được cấp. Nay ông không đồng ý yêu cầu đòi đất của ông K.

Người đại diện theo pháp luật của NLQ6 là ông Phạm Thanh H trình bày: Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Trung T tại thửa 111, 148 tờ bản đồ 32, cấp ngày 22 tháng 4 năm 2014 được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật tại thời điểm cấp. Từ khi cấp giấy cho ông T thì không nhận được khiếu nại hành chính về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T.

Từ nội dung trên tại bản án sơ thẩm số 64/2018/DS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh Bạc Liêu quyết định: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lưu Minh K đối với ông Nguyễn Trung T tranh chấp quyền sử dụng đất có diện tích 3,12m^2 tại thửa 111, 148 tờ bản đồ số 32 do hộ ông Nguyễn Trung T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện PL cấp ngày 22 tháng 4 năm 2014. Đất tọa lạc tại ấp B, xã PT, huyện PL, tỉnh Bạc Liêu. Phần đất có vị trí số đo như sau:

Hướng Đông giáp hàng rào của ông T có số đo 39m

Hướng Tây giáp một phần đường mương còn lại của ông T có số đo 39m

Hướng Nam giáp phần đất còn lại của ông T có số đo 0,08m

Hướng Bắc giáp lộ có số đo 0,08m

Hiện trạng: Phần đất do hộ gia đình ông T đang quản lý, sử dụng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về chi phí xem xét, thẩm định, định giá đất tranh chấp, chi phí thu thập tài liệu chứng cứ, án phí, Luật thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 11 tháng 12 năm 2017 ông Lưu Minh K kháng cáo với nội dung: Yêu cầu cấp phúc thẩm tiến hành đo đạc thẩm định lại phần đất của gia đình ông, diện tích phần đất tranh chấp là 3,12m^2 và đo đạc phần diện tích đất nhà ông Nguyễn Trung T. Yêu cầu thu thập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T để xem xét tính hợp pháp của việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất làm cơ sở giải quyết vụ án. Sửa án sơ thẩm và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của ông K là chị Nguyễn Thị V vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Lưu Minh K, căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 64/2018/DS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, nghe ý kiến đề xuất của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về nguồn gốc đất tranh chấp: Người đại diện theo ủy quyền của ông Lưu

Minh K và NLQ1 xác định phần đất tranh chấp có hiện trạng là một phần con mương có nguồn gốc là của ông Lê Văn T đào từ năm 1962 dùng để chuyển lúa, con mương khi đào có chiều ngang là 04m, dài dọc phần đất. Sau đó ông Thời cho lại ông Lê Văn Q và ông Q cho lại NLQ1. Vào năm 1990 ông K, NLQ1 cho ông T nhờ sử dụng đường mương này để làm đường dẫn nước vào vuông nuôi tôm, ranh đất được xác định ngay mé mương. Năm 2005 ông K đăng ký kê khai phần đất của gia đình với chiều ngang 13,14m, chiều dài 39m khi đó có đo đạc thực tế tới mí mương. Tuy nhiên, phần đất của ông K, NLQ1 hiện sử dụng chiều ngang chỉ còn 13,06m, bị thiếu chiều ngang 0,08m, chiều dài 39m. Nguyên nhân là trong quá trình sử dụng đất ông Nguyễn Trung T lấn chiếm phần đất của ông K, NLQ1 nên yêu cầu ông T giao trả. Phía bị đơn ông T xác định phần đất của ông và ông K giáp với nhau, ông có làm hàng rào làm ranh đất giữa hai bên. Trước năm 1960 cha ông là ông Nguyễn Văn T đào mương để dẫn nước vào ruộng, con mương có chiều ngang khoảng 02m. Phần đất của gia đình cha ông đăng ký quyền sử dụng đất từ năm 1993 và chuyển quyền sử dụng đất cho ông vào năm 1996, đến năm 2007-2008 thì ông xin cấp lại bằng khoán mới đến nay. Khi đó ông K và ông đều ra chứng kiến việc đo đất xác định ranh. Ông đã sử dụng ổn định đất tranh chấp nên không đồng ý giao trả.

[3] Xét kháng cáo của ông K về yêu cầu đo đạc lại phần đất của gia đình ông K, phần đất tranh chấp và phần đất của ông T, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ phần đất tranh chấp kể cả phần đất của ông K, ông T hiện sử dụng thì các bên đương sự đều chứng kiến, việc đo đạc đất theo sự chỉ ranh của các bên và các bên đều đồng ý ký tên vào biên bản. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của ông K không chứng minh được yêu cầu kháng cáo này của ông K là có căn cứ, do đó Hội đồng cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông K về phần này.

[4] Căn cứ biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản tranh chấp ngày 07 tháng 6 năm 2018 và trích đo hiện trạng đất tranh chấp thể hiện phần đất tranh chấp diện tích 3.12m^2 thuộc thửa 111, 148 tờ bản đồ số 32 do ông Nguyễn Trung T đứng tên quyền sử dụng đất. Theo Công văn số 1336/UBND ngày 01 tháng 11 năm 2018 của NLQ6 thể hiện: Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T tại thửa 111, 148 tờ bản đồ 32, cấp ngày 22 tháng 4 năm 2014 được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật tại thời điểm cấp. Bên cạnh đó, tại Công văn số 1455/UBND ngày 05 tháng 12 năm 2018 của NLQ6 thể hiện việc ấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông K số AB137448 tại thửa 721 tờ bản đồ 12, cấp ngày 21 tháng 01 năm 2005 được thực hiện đúng trình tự, thủ tục tại thời điểm cấp và diện tích cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông K đúng với diện tích đất ngoài thực tế. Từ khi cấp giấy cho ông K, ông T thì không nhận được khiếu nại hành chính về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông K, ông T.

[5] Tại phiên tòa chị V xác định năm 2014 khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T thì ông K có ký giáp ranh. Khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông K có đo đạc và ông T cũng có ký giáp ranh. Ranh đất giữa ông K và ông Lê Văn P phía trước là hàng rào, phía sau là cây dừa, khi xây dựng nhà

đúng với vị trí ranh đất. Lời trình bày của chị V là phù hợp với lời trình bày của ông P và phù hợp với biên bản xem xét, thẩm định ngày 07 tháng 6 năm 2018 thể hiện chiều ngang thửa đất ông K đang sử dụng ở vị trí căn nhà của ông K, chiều ngang là 13,4m. Thửa đất 721, tờ bản đồ số 18 theo tờ bản đồ 299 (tờ bản đồ chính quy nay là thửa 110) thì ông K được cấp quyền sử dụng đất có chiều ngang là 13,14m. Căn nhà được ông K xây dựng kiên cố trên 20 năm, từ đó diện tích đất ông K sử dụng là nhiều hơn so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông K được cấp quyền sử dụng đất. Do đó, ông K cho rằng thửa đất của ông chiều ngang thiếu 0,08m là không có cơ sở nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[6] Về quá trình sử dụng đất: Các bên đương sự đều xác định ông T sử dụng con mương ổn định từ năm 1990, hàng rào được ông T xây dựng kiên cố từ năm 2009, khi ông T sử dụng đất và xây dựng hàng rào kiên cố thì phía ông K, NLQ1 biết và đồng ý để ông T xây dựng đúng ranh đất như hiện nay, không tranh chấp. Ông K cho rằng ông cho ông T mượn con mương này sử dụng nhưng ông K không có chứng cứ chứng minh, phía ông T không thừa nhận. Do việc ông K cho rằng ông T lấn đất là không có căn cứ nên Tòa án cấp sơ thẩm không được chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông K là đúng quy định pháp luật nên Hội đồng xét cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông K.

[7] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Lưu Minh K. Có căn cứ chấp nhận ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 64/2018/DS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh Bạc Liêu.

[8] Các phần khác của bản án dân sự sơ thẩm do không bị kháng cáo, kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật.

[9] Án phí dân sự phúc thẩm ông Lưu Minh K phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 9 Điều 26, Điều 35, 39, 147, 157, 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Lưu Minh K. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 64/2018/DS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh Bạc Liêu.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lưu Minh K đối với ông

Nguyễn Trung T về việc yêu cầu ông Nguyễn Trung T giao trả phần đất có diện tích 3,12m^2 thuộc thửa số 111, 148, tờ bản đồ số 32, đất tọa lạc tại ấp B, xã PT, huyện PL, tỉnh Bạc Liêu do hộ ông Nguyễn Trung T, NLQ2 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đất có vị trí và số đo như sau:

- Hướng Đông giáp hàng rào của ông Nguyễn Trung T có số đo 39m.

- Hướng Tây giáp một phần đường mương còn lại của ông Nguyễn Trung T có số đo 39m.

- Hướng Nam giáp phần đất còn lại của ông Nguyễn Trung T có số đo 0,08m.

- Hướng Bắc giáp lộ có số đo 0,08m.

2. Về chi phí xem xét thẩm định, định giá và chi phí thu thập tài liệu chứng cứ 2.600.000 đồng buộc ông Lưu Minh K phải chịu. Ông Lưu Minh K đã dự nộp 1.500.000 đồng, ông Nguyễn Trung T đã dự nộp 1.100.000 đồng nên buộc ông Lưu Minh K phải hoàn lại cho ông Nguyễn Trung T 1.100.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện PL, tỉnh Bạc Liêu.

3. Về án phí:

- Về án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng buộc ông Lưu Minh K phải chịu. Ông Lưu Minh K đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0011599 ngày 26 tháng 3 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện PL, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

- Án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng buộc ông Lưu Minh K phải chịu. Ông Lưu Minh K đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0014241 ngày 11 tháng 12 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện PL, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện PL;
- CCTHADS huyện PL;
- Đương sự;
- Lưu HS, Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Lệ Kiều